

Số: **3150** /SXD-QLN

Thanh Hoá, ngày 16 tháng 6 năm 2017

V/v đăng tải danh mục các dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh năm 2017.

Kính gửi: Văn phòng UBND tỉnh.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 6323/UBND-CN ngày 07/6/2017 về việc giao đăng tải danh mục các dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh năm 2017 theo Kế hoạch phát triển nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017 - 2021 số 36/KH-UBND ngày 14/3/2017 của UBND tỉnh trên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh, Báo Đấu thầu, Báo Thanh Hóa.

Sở Xây dựng đề nghị Văn phòng UBND tỉnh đăng tải danh mục các dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh năm 2017 trên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh với các nội dung như sau:

I. Tiêu đề đăng tải: Thông tin danh mục các dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh năm 2017.

II. Nội dung đăng tải:

1. Số lượng dự án, tổng số lượng nhà ở, tổng diện tích sàn nhà ở:

- Tổng số dự án: 33 dự án;
- Tổng số lượng nhà ở: Khoảng 23.421 căn;
- Tổng diện tích sàn nhà ở: Khoảng 1.329.230 m².

a) Các dự án nhà ở xã hội, nhà ở công nhân đã lựa chọn được chủ đầu tư và đang triển khai xây dựng:

Tổng số 08 dự án (Tổng số lượng nhà ở khoảng 3.921 căn; tổng diện tích sàn nhà ở khoảng 215.665m²). Trong đó:

- Nhà ở xã hội: 05 dự án (Số lượng nhà ở khoảng 2.328 căn; diện tích sàn nhà ở khoảng 126.265m²);
- Nhà ở công nhân: 03 dự án (Số lượng nhà ở khoảng 1.593 căn; diện tích sàn nhà ở khoảng 89.400m²);

b) Các dự án nhà ở xã hội, nhà ở công nhân cần lựa chọn chủ đầu tư thực hiện trong năm 2017:

Tổng số 25 dự án (Tổng số lượng nhà ở khoảng 19.500 căn; tổng diện tích sàn nhà ở khoảng 1.113.565m²). Trong đó:



- Nhà ở xã hội: 18 dự án (Tổng số lượng nhà ở khoảng 12.850 căn; tổng diện tích sàn nhà ở khoảng 772.242m²);

- Nhà ở công nhân: 07 dự án (Tổng số lượng nhà ở khoảng 6.650 căn; tổng diện tích sàn nhà ở khoảng 341.323m²).

2. Các nội dung cơ bản của từng dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở công nhân trên địa bàn tỉnh năm 2017 (Chi tiết tại Phụ lục 1, phụ lục 2, phụ lục 3, phụ lục 4 kèm theo).

III. Thời gian đăng tải: Thời gian đăng tải các thông tin về dự án được thực hiện trong suốt quá trình thực hiện dự án.

Sở Xây dựng đề nghị Văn phòng UBND tỉnh đăng tải các nội dung như trên làm cơ sở thực hiện các bước tiếp theo theo quy định. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Giám đốc Sở (b/c);
- VP Sở (để đăng tải lên CTTĐT);
- Lưu VT, QLN, Qg (0912383999).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**


Lê Ngọc Thanh

Phụ lục 1. Các dự án nhà ở xã hội đã lựa chọn được chủ đầu tư và đang triển khai xây dựng

(Kèm theo Văn bản số 3150 /SXD-QLN ngày 16/6/2017 của Sở Xây dựng)

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Quy hoạch chi tiết	Địa điểm xây dựng	Quy mô (m ²)	Dự kiến thời gian hoàn thành	Số lượng nhà ở (căn)	Tổng diện tích sàn căn hộ (m ²)
1	Chung cư thu nhập thấp tại Khu dân cư phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa	Công ty TNHH Tân Thành 1	MBQH chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư phường Đông Vệ được UBND thành phố Thanh Hóa phê duyệt kèm theo Quyết định số 9075/QĐ-UBND ngày 08/10/2014	Phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa	19.840 m ² ; (03 tòa nhà chung cư cao 11 tầng)	Năm 2019	390	23.964
2	Chung cư thu nhập thấp tại Khu đô thị Xanh - Khu Nam trung tâm thành phố Thanh Hóa	Công ty TNHH ĐTXD và PTHT Hợp Lực	Thuộc MBQH tỷ lệ 1/500 Khu đô thị Xanh - Khu Nam trung tâm thành phố Thanh Hóa	Phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa	4.426,4m ² (02 tòa chung cư cao 15 tầng)	Năm 2017	448	20.000
3	Khu chung cư thu nhập thấp tại Lô C5 thuộc Khu đô thị Nam thành phố Thanh Hóa	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD4	Thuộc MBQH tỷ lệ 1/500 Khu đô thị Nam thành phố Thanh Hóa	Phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa	5.500 m ² (02 tòa nhà chung cư 11 tầng)	Năm 2017	410	22.000
4	Khu nhà ở xã hội tại phường Quảng Thành, thành phố Thanh Hóa	Công ty TNHH ĐTXD và PTHT Hợp Lực	MBQH phê duyệt kèm theo QĐ số 3487/QĐ-UBND ngày 12/9/2016 của UBND tỉnh	Phường Quảng Thành, thành phố Thanh Hóa	24.693 m ² (03 tòa chung cư cao 09-15 tầng)	Năm 2020	900	45.000
5	Nhà ở xã hội cán bộ chiến sỹ Công an tỉnh Thanh Hóa	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD4	Tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 được Sở Xây dựng thẩm định cùng TKCS kèm theo Văn bản số 7002/SXD-QLN ngày 05/12/2016)	Phường An Hoạch, thành phố Thanh Hóa	2.748 m ² (01 tòa chung cư cao 11 tầng)	Năm 2018	180	15.301
Tổng							2.328	126.265

Phụ lục 2: Các dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội cần lựa chọn chủ đầu tư thực hiện trong năm 2017

(Kèm theo Văn bản số 3150 /SXĐ-QLN ngày 16 /6/2017 của Sở Xây dựng)

STT	Tên dự án	Quy hoạch chi tiết	Địa điểm xây dựng	Quy mô (m ²)	Dự kiến thời gian hoàn thành	Số lượng nhà ở (căn)	Tổng diện tích sàn căn hộ (m ²)
I. Thành phố Thanh Hóa						10.250	626.270
1.	Nhà ở xã hội tại số 81 Trường Thi, thành phố Thanh Hóa	MBQH số 956/UBND-QLĐT ngày 08/6/2010 của UBND thành phố Thanh Hóa	Phường Trường Thi, thành phố Thanh Hóa	3.687m ² (01 khối nhà cao 11 tầng + 02 tầng hầm; 01 khối cao 05 tầng)	Năm 2019	250	13.750
2.	Nhà ở xã hội tại phường Quảng Thắng, thành phố Thanh Hóa	Thuộc QHCT tỷ lệ 1/500 Khu dân cư khu vực Trường Chính trị và các lô đất lân cận	Phường Quảng Thắng, thành phố Thanh Hóa	9.700 m ²	Năm 2019	300	18.000
3.	Khu nhà ở xã hội tại phường Quảng Thành, thành phố Thanh Hóa	Thuộc QHCT tỷ lệ 1/500 Khu nhà ở tại phường Quảng Thành, thành phố Thanh Hóa được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 735/QĐ-UBND ngày 18/3/2014	Phường Quảng Thành, thành phố Thanh Hóa	22.300 m ² (02 tòa chung cư cao 15 tầng)	Năm 2019	900	60.000
4.	Nhà ở xã hội tại lô CC-01 Khu dân cư Đông Nam thuộc Khu đô thị Đông Phát	QHCT tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Đông Nam Khu đô thị Đông Phát	Phường Đông Sơn, thành phố Thanh Hóa	10.701 m ² (tầng cao 09 tầng)	Năm 2020	450	27.000
5.	Nhà ở xã hội tại lô NXH1 và NXH2 thuộc Khu đô thị phía Đông Đại lộ Bắc - Nam	QHCT tỷ lệ 1/500 Khu đô thị phía Đông Đại lộ Bắc - Nam	Phường Hàm Rồng, phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa	- Lô NXH1: Diện tích 6.426m ² , tầng cao 5-7 tầng; - Lô NXH2: Diện tích 4.272m ² , tầng cao 5-7 tầng.	Năm 2020	600	35.000

STT	Tên dự án	Quy hoạch chi tiết	Địa điểm xây dựng	Quy mô (m ²)	Dự kiến thời gian hoàn thành	Số lượng nhà ở (căn)	Tổng diện tích sàn căn hộ (m ²)
6.	Nhà ở xã hội tại các lô có ký hiệu L, M, V thuộc Khu đô thị mới Bắc Đại lộ Lê Lợi, thành phố Thanh Hóa	QHCT tỷ lệ 1/500 Khu đô thị mới Bắc Đại lộ Lê Lợi, thành phố Thanh Hóa	Phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa	25.000 m ²	Năm 2020	1.800	112.200
7.	Nhà ở xã hội tại lô HD-02 Khu dân cư trường Đại học Hồng Đức	Thuộc QHCT tỷ lệ 1/500 Khu dân cư trường Đại học Hồng Đức	Phường Đông Sơn, thành phố Thanh Hóa	24.907 m ²	Năm 2020	300	18.000
8.	Nhà ở xã hội tại lô B-CT6-1 và B-CT6-2 thuộc Khu đô thị Đông Hương, thành phố Thanh Hóa	Điều chỉnh MBQH tỷ lệ 1/500 Công trình hỗn hợp Miền Trung (được Sở Xây dựng tham gia ý kiến TKCS và thỏa thuận tổng mặt bằng kèm theo Văn bản số 5087/SXD-HĐXD ngày 25/9/2014)	Phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa	- Lô B-CT6-1: Diện tích 8.730m ² , tầng cao 7-9 tầng; - Lô B-CT6-2: Diện tích 9.720m ² , tầng cao 15 tầng.	Năm 2020	1.400	95.320
9.	Nhà ở xã hội tại lô B-CT2-1 và lô B-2 thuộc Khu đô thị Đông Hương, thành phố Thanh Hóa	Thuộc MBQH tỷ lệ 1/2.000 Khu đô thị Đông Hương, thành phố Thanh Hóa được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 668/QĐ-UBND ngày 07/3/2011	Phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa	- Lô B-CT2-1: Diện tích 6.040m ² , tầng cao 7 tầng; - Lô B-CT2-1: Diện tích 6.040m ² , tầng cao 9 tầng.	Năm 2020	800	44.000
10.	Nhà ở xã hội tại lô BCT6-2 Khu dân cư hai bên đường CSEDP thuộc khu đô thị Đông Sơn, thành phố Thanh Hóa	MBQH tỷ lệ 1/500 Khu dân cư hai bên đường CSEDP tại Khu đô thị Đông Sơn được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1442/QĐ-UBND ngày 15/5/2014	Phường Đông Sơn, thành phố Thanh Hóa	20.000	Năm 2020	1.000	60.000

STT	Tên dự án	Quy hoạch chi tiết	Địa điểm xây dựng	Quy mô (m ²)	Dự kiến thời gian hoàn thành	Số lượng nhà ở (căn)	Tổng diện tích sàn căn hộ (m ²)
11.	Nhà ở xã hội tại lô A-TM3 thuộc Khu đô thị Đông Hương, thành phố Thanh Hóa	Thuộc MBQH tỷ lệ 1/2.000 Khu đô thị Đông Hương được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 668/QĐ-UBND ngày 07/3/2011	Phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa	10.000 m ²	Năm 2020	350	20.000
12.	Nhà ở xã hội tại Khu Tái định cư phường Phú Sơn, thành phố Thanh Hóa	MBQH số 73/UBND ngày 13/6/2005 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa	Phường Phú Sơn, thành phố Thanh Hóa	16.418 m ² (tầng cao 11-15 tầng)	Năm 2020	1.400	80.000
13.	Dự án nhà ở xã hội tại phường Đông Hải, thành phố Thanh Hóa	Điều chỉnh MBQH dự án Trường mầm non tư thục Kids Home (được UBND tỉnh chấp thuận tại Văn bản số 5423/UBND-NN ngày 18/7/2013)	Phường Đông Hải, thành phố Thanh Hóa	4.900 m ²	Năm 2020	200	13.000
14.	Dự án nhà ở xã hội tại thôn Bào Ngoại, phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa	Điều chỉnh MBQH tỷ lệ 1/500 Khu cây xanh - thể thao tại Khu đô thị Đông Hương, thành phố Thanh Hóa, được Sở Xây dựng thỏa thuận tại Văn bản số 673/SXD-PTĐT ngày 30/3/2012	Phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa	10.847 m ² (dự kiến 01 tòa cao 20 tầng)	Năm 2020	500	30.000
	II. Thành phố Sầm Sơn					250	15.876
15.	Nhà ở xã hội tại lô đất có ký hiệu 5.09 thuộc QHPK tỷ lệ 1/2.000 Khu trung tâm hành chính - chính trị và đô thị mới (khu số 8), thành phố Sầm Sơn	QHPK tỷ lệ 1/2000 Khu trung tâm hành chính - chính trị và đô thị mới (khu số 8), thị xã Sầm Sơn được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2671/QĐ-UBND ngày 19/7/2016	Thành phố Sầm Sơn	19.600 (MĐXD 35-45%; tầng cao 9-12 tầng)	Năm 2020	250	15.876

STT	Tên dự án	Quy hoạch chi tiết	Địa điểm xây dựng	Quy mô (m ²)	Dự kiến thời gian hoàn thành	Số lượng nhà ở (căn)	Tổng diện tích sàn căn hộ (m ²)
	III. Thị xã Bim Sơn					300	18.360
16.	Nhà ở xã hội tại lô đất có ký hiệu DCM 1-6 thuộc QHCT Khu nội thị số 1, Tây Quốc lộ 1A, thị xã Bim Sơn	Thuộc QHCT Khu nội thị số 1, Tây Quốc lộ 1A, thị xã Bim Sơn được UBND thị xã phê duyệt tại Quyết định số 04/2008/QĐ-UBND ngày 15/7/2008.	Thị xã Bim Sơn	34.000 (MĐXD 30%; tầng cao 9 tầng)	Năm 2020	300	18.360
	IV. Khu kinh tế Nghi Sơn					2.150	120.096
17.	Nhà ở xã hội tại Khu dân cư Trường Lâm, Khu Kinh tế Nghi Sơn	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 (nay là quy hoạch phân khu) Khu dân cư Trường Lâm, Khu Kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4623/QĐ-UBND ngày 25/12/2013	Xã Trường Lâm, Khu kinh tế Nghi Sơn	- Vị trí 3.1: Diện tích 39.500m ² ; tầng cao 12 tầng; - Vị trí 3.2: Diện tích 43.700m ² ; tầng cao 12 tầng; - Vị trí 3.3: Diện tích 41.900m ² ; tầng cao 12 tầng.	Năm 2020	2.150	120.096
	V. Huyện Hà Trung					200	10.000
18.	Nhà ở xã hội tại xã Hà Bình, huyện Hà Trung	Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Hà Bình năm 2012	Xã Hà Bình, huyện Hà Trung	70.000	Năm 2020	200	10.000
	Tổng					12.850	772.242

Phụ lục 3: Các dự án nhà ở công nhân đã lựa chọn được chủ đầu tư và đang triển khai xây dựng
 (Kèm theo Văn bản số 3150 /SXD-QLN ngày 16/10/2017 của Sở Xây dựng)

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Quy hoạch chi tiết	Địa điểm xây dựng	Quy mô (m ²)	Dự kiến thời gian hoàn thành	Số lượng nhà ở (căn)	Tổng diện tích sàn căn hộ (m ²)	
I. Thành phố Thanh Hóa								1.593	89.400
1	Nhà ở công nhân tại Khu công nghiệp Lễ Môn, thành phố Thanh Hóa	Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển hạ tầng Thanh Hóa	UBND tỉnh chấp thuận đầu tư tại Văn bản số 448/UBND-CN ngày 17/01/2013	Phường Quảng Hưng, thành phố Thanh Hóa	17.893 m ² (03 tòa chung cư cao 05 tầng)	Năm 2017	193	13.600	
2	Nhà ở xã hội dành cho công nhân tại khu vực phía Đông Khu công nghiệp Lễ Môn, thành phố Thanh Hóa	Công ty TNHH Giấy Sunjade Việt Nam	Thuộc MBQH kèm theo Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 02/01/2014 của UBND tỉnh	Khu công nghiệp Lễ Môn, thành phố Thanh Hóa	66.900 m ² (gồm: 08 tòa cao 09 tầng)	Năm 2020	1.400	75.800	
II. Huyện Hoằng Hóa								163	10.000
3	Khu nhà ở công nhân Công ty Delta, xã Hoằng Đồng, huyện Hoằng Hóa	Công ty Dụng cụ thể thao Delta	MBQH kèm theo VB thẩm định điều chỉnh TKCS số 734/SXD-QLN ngày 17/02/2017 của Sở Xây dựng	Xã Hoằng Đồng, huyện Hoằng Hóa	22.900 m ² (01 tòa chung cư cao 07 tầng)	Năm 2017	163	10.000	
Tổng							1.756	99.400	



Phụ lục 4: Các dự án đầu tư xây dựng nhà ở công nhân cần lựa chọn chủ đầu tư thực hiện trong năm 2017
 (Kèm theo Văn bản số 3150/SXD-QLN ngày 16/6/2017 của Sở Xây dựng)

STT	Tên dự án	Quy hoạch chi tiết	Địa điểm xây dựng	Quy mô (m ²)	Dự kiến thời gian hoàn thành	Số lượng nhà ở (căn)	Tổng diện tích sàn căn hộ (m ²)
I. Thành phố Thanh Hóa						1.650	76.950
1.	Nhà ở công nhân thuộc Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 - Phân khu số 4, thành phố Thanh Hóa	UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1141/QĐ-UBND ngày 01/04/2016.	Vị trí 1.3 thuộc lô đất có ký hiệu CN-03	20.000 m ² (quy mô tầng cao từ 9-15 tầng)	Năm 2020	400	16.200
2.	Nhà ở công nhân thuộc Quy hoạch Khu đô thị Tây Nam thành phố Thanh Hóa	UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2222/QĐ-UBND ngày 17/01/2014.	- Vị trí 1.8 (ký hiệu lô đất NOCN-1)	37.000 m ² (quy mô tầng cao từ 12-18 tầng)	Năm 2020	600	29.970
			- Vị trí 1.9 (ký hiệu lô đất NOCN-2)	38.000 m ² (quy mô tầng cao từ 12-18 tầng)	Năm 2020	650	30.780
II. Thị xã Bim Sơn						350	20.000
3.	Nhà ở công nhân thuộc Quy hoạch chi tiết Khu nội thị số 1, Tây Quốc lộ 1A, thị xã Bim Sơn	UBND thị xã Bim Sơn phê duyệt tại Quyết định số 04/2008/QĐ-UBND ngày 15/7/2008.	Thuộc các lô đất có ký hiệu: DCM 1-7; DCM 1-8; DCM 1- 9; DCM 1-10; DCM 2-1	166.000	Năm 2020	350	20.000
III. Khu Kinh tế Nghi Sơn						2.500	122.040
4.	Nhà ở công nhân thuộc Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 (nay là quy hoạch phân khu) Khu dân cư Tùng Lâm, Khu Kinh tế Nghi Sơn	UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4374/QĐ-UBND ngày 06/12/2013	- Vị trí 3.4 (ký hiệu lô đất HH1)	130.000	Năm 2020	1.560	70.200
			- Vị trí 3.5 (ký hiệu HH2)	96.000		940	51.840

STT	Tên dự án	Quy hoạch chi tiết	Địa điểm xây dựng	Quy mô (m ²)	Dự kiến thời gian hoàn thành	Số lượng nhà ở (căn)	Tổng diện tích sàn căn hộ (m ²)
	IV. Huyện Thọ Xuân					650	37.333
5.	Khu nhà ở công nhân tại Khu đô thị mới Sao Mai Lam Sơn - Sao Vàng, huyện Thọ Xuân.	Thuộc QHCT tỷ lệ 1/500 Khu đô thị mới Sao Mai Lam Sơn - Sao Vàng, huyện Thọ Xuân.	Xã Xuân Thắng, huyện Thọ Xuân	25.924	Năm 2020	650	37.333
	V. Huyện Triệu Sơn					900	50.000
6.	Khu nhà ở xã hội tại xã Đồng Lợi, huyện Triệu Sơn	MBQH tỷ lệ 1/500 được UBND huyện Triệu Sơn phê duyệt tại Quyết định số số 12413/QĐ-UBND ngày 19/12/2016	Xã Đồng Lợi, huyện Triệu Sơn	58.700	Năm 2020	900	50.000
	VI. Huyện Yên Định					600	35.000
7.	Dự án nhà ở công nhân tại Cụm công nghiệp phía Tây Bắc thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định	Thuộc QHCT tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp phía Tây Bắc thị trấn Quán Lào được UBND huyện Yên Định phê duyệt tại Quyết định số 795/QĐ-UBND ngày 08/6/2015	Thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định	106.000	Năm 2020	600	35.000
	Tổng					6.650	341.323

